



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

www.agtex28-1.com



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017



1

THÔNG TIN CHUNG

2

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

4

BÁO CÁO BAN GIÁM
ĐỐC

8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7

QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

5

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

The background features a dark grey gradient with vibrant green, wavy, vertical lines that create a sense of motion and depth. A white dashed line forms a rectangular frame around the central text, with a solid white line extending from the top and right sides of the frame.

THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**

Tên giao dịch: 28.1 JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 28.1 JSC

Giấy CNĐKDN số: 0304484232 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 01/08/2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 29/09/2016

Vốn điều lệ: 48.633.860.000 đồng

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 08.38940914

Số fax: 08.38941668

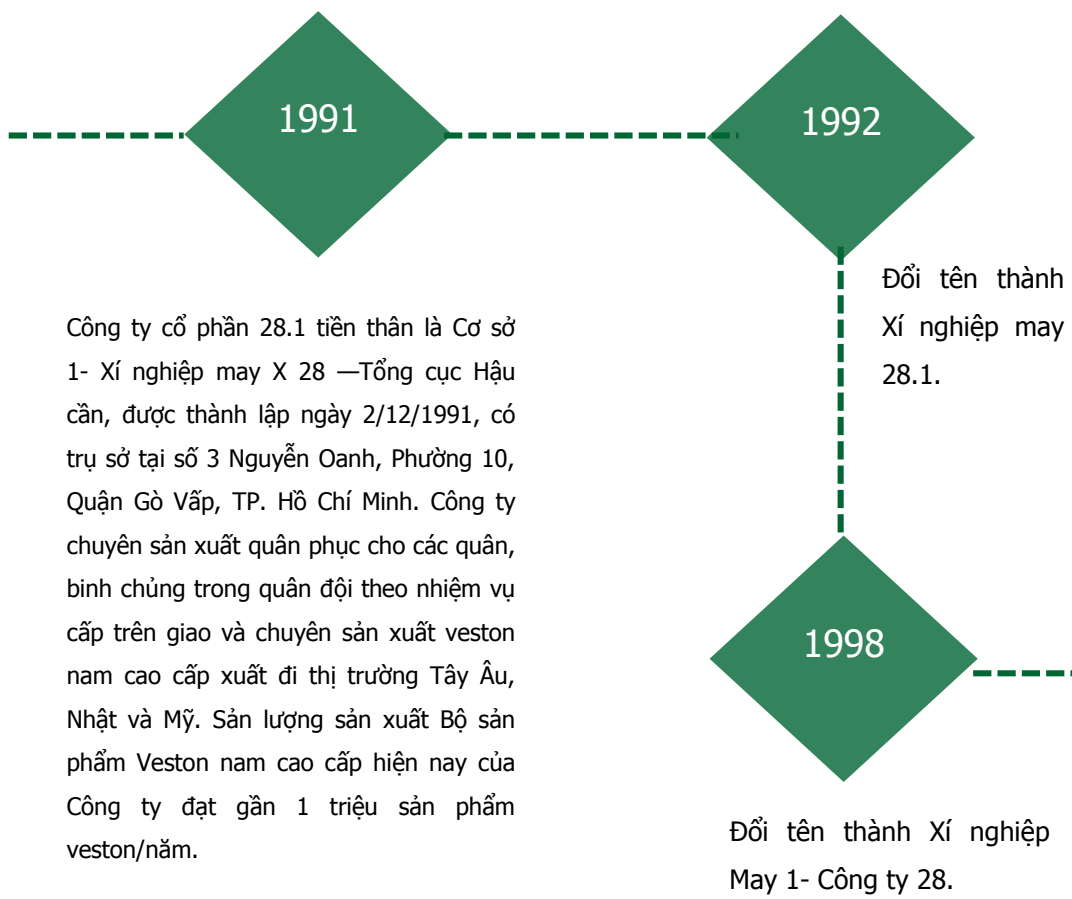
Website: <http://www.agtex28-1.com>

Email: agtex281@agtex28-1.com

Mã cổ phiếu: AG1

Logo công ty:





2016

Ngày 30/5/2016, Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV 28.1 thuộc Tổng Công ty 28 thành Công ty cổ phần;

Ngày 04/07/2016, Công ty đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Công ty cổ phần chứng khoán Quân đội – MBS

Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất vào ngày 24/9/2016. Ngày 29/09/2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 thay đổi lần thứ 3 ngày 29/09/2016 và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 30/09/2016 với số vốn điều lệ là 48.633.860.000 đồng.

2006

Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng đã ra quyết định chuyển Xí nghiệp 1 thuộc Công ty 28 - Tổng cục Hậu cần thành Công ty TNHH một thành viên 28.1.

2015

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 04/06/2015 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên 28.1 thuộc Tổng cục hậu cần - Bộ Quốc phòng, Công ty đã đánh giá tài sản, xây dựng Phương án cổ phần hóa công ty cổ phần.

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG



CẤP TƯỚNG
LỤC QUÂN



LỤC QUÂN



CẤP TƯỚNG
PK-KQ



HẢI QUÂN



CẢNH SÁT BIÊN



(* Ngày 21/12/2017, Công ty vinh dự nhận được bằng khen của Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam về thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú trong quân đội" giai đoạn 1992-2017.



Tháng 7 năm 1995, chỉ trong 20 ngày Xí nghiệp đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đột xuất sản xuất 500 bộ quân phục đại lễ để phục vụ cho các đại biểu dự Lễ kỷ niệm Quốc khánh 2/9.

Năm 1993, Xí nghiệp đã nghiên cứu áp dụng thành công sử dụng công nghệ ép keo sản xuất áo gió xuất khẩu để sản xuất áo quân phục đồng cỡ quan có lót và đảm bảo năng suất tăng 1,5 lần. Để tài ứng dụng kỹ thuật được Cục Quân nhu chỉ đạo các đơn vị may trong toàn quân áp dụng, đây là một bước tiến mới trong công tác nghiên cứu khoa học của đơn vị.





Năm 2002, Xí nghiệp là đơn vị đầu tiên trong Công ty triển khai sản xuất hàng xuất khẩu theo phương thức FOB mang lại hiệu quả thiết thực nên chỉ trong Quý 4 năm 2002 doanh thu của Xí nghiệp bằng gần doanh thu của 8 tháng trước đó. Xí nghiệp chủ động đổi mới, kiện toàn sắp xếp, bố trí sản xuất, phù hợp với khả năng, sở trường và thế mạnh của Xí nghiệp, qua đó đã nâng cao được hiệu quả công tác điều hành quản lý và chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm của Xí nghiệp gồm: bộ đồng len K82, áo veston nam/nữ xuất khẩu đã được tặng huy chương vàng tại Hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế.

Công ty đã được Tổng cục Hậu cần tặng thưởng đơn vị quyết thắng năm 2014 và cờ thi đua năm 2015. Năm 2016, Công ty được Tổng cục Hậu cần tặng thưởng đơn vị quyết thắng và được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Hiện nay, Công ty có 2 phân xưởng may, 4 phòng nghiệp vụ và hơn 850 cán bộ, công nhân viên, có trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, nhà xưởng khang trang, đủ các điều kiện để sản xuất theo phương thức FOB và khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH



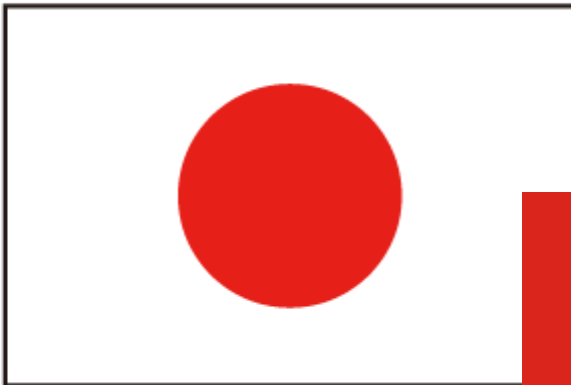
Công ty chuyên sản xuất hàng may mặc:

- ✓ Bộ Veston Nam
- ✓ Quần Tây
- ✓ Jile (waitcoat)

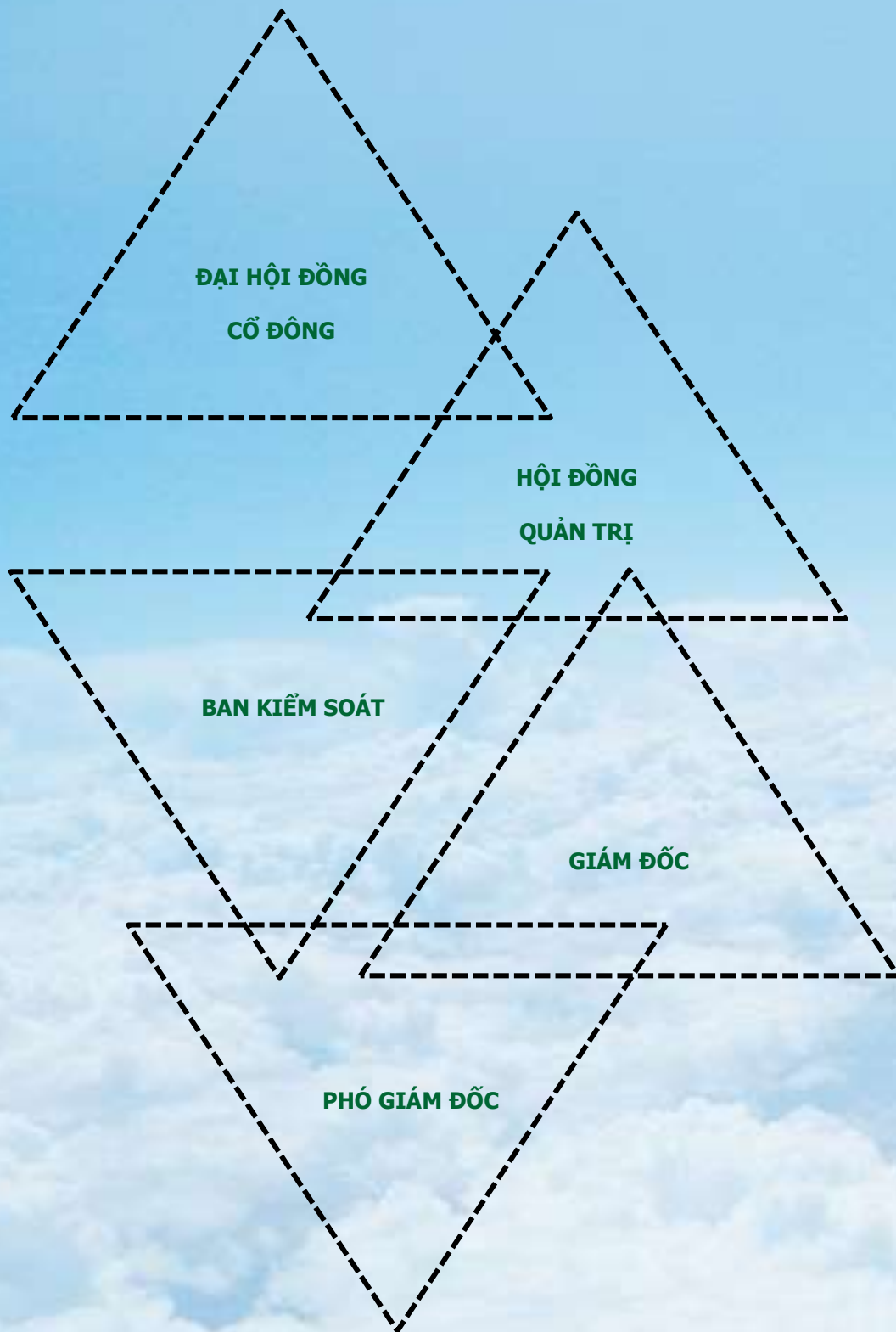
Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;

Mua bán nguyên phụ liệu ngành may;

Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Thị trường chính là Mỹ, EU, Nhật Bản,..



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

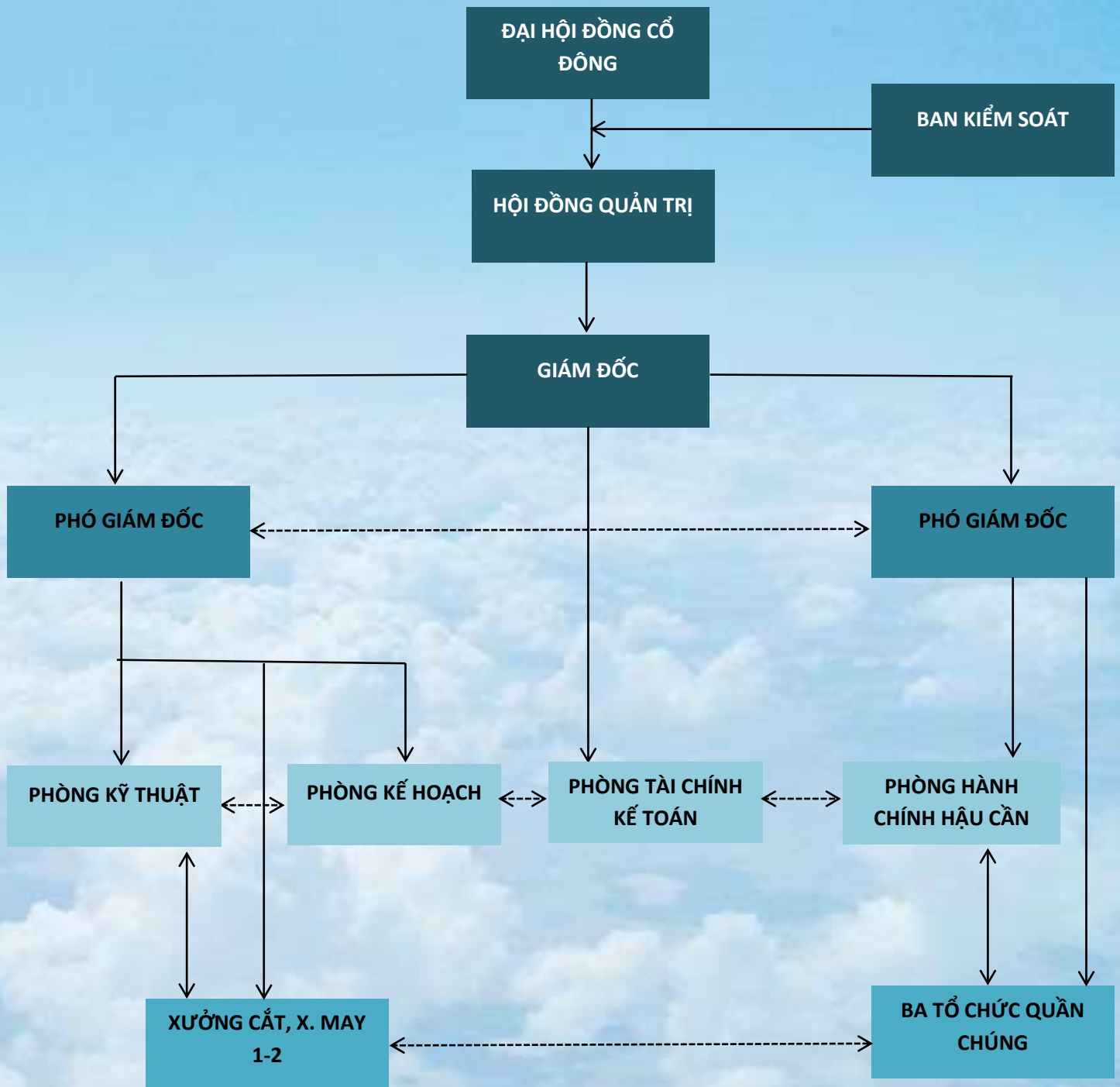


CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty cổ phần 28.1 được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng phù hợp với điều kiện và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo mô hình sau:

Quan hệ chỉ đạo →

Quan hệ ngang bằng ↔





SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tâm nhìn 2020:

Nỗ lực để phát triển bền vững trở thành doanh nghiệp lớn mạnh trong lĩnh vực may mặc với dòng sản phẩm veston nam cao cấp.

Sứ mệnh:

Cung cấp sản phẩm theo chuẩn mực quốc tế nhằm nâng cao giá trị cuộc sống cho mọi đối tượng người tiêu dùng.

Thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

Thực hiện đúng phương châm "Chất lượng tốt nhất, giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hẹn".

Giá trị cốt lõi:

Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, thực hiện hài hòa 03 lợi ích "Công ty, Người lao động và Cổ đông".

Thấu hiểu, tôn trọng và thực hiện tốt các cam kết với khách hàng là tiêu chuẩn số một để đo lường đánh giá các hoạt động của từng bộ phận và cá nhân trong đơn vị.

Liên tục tìm kiếm những giải pháp sáng tạo để liên tục hoàn thiện và nâng cao năng suất, chất lượng thông qua khuyến khích học tập tự giác để rèn luyện nhân cách, nâng cao chuyên môn và làm chủ công nghệ cho người lao động.

Xây dựng môi đoàn kết gắn bó trong nội bộ công ty như trong một mái nhà chung; môi trường làm việc năng động, sáng tạo; nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

Luôn giữ vững và phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây".

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

HỌC TẬP

- Thường xuyên học tập, rèn luyện phát huy tốt bản chất, truyền thống, kỷ luật của quân đội trong mọi hoạt động của đơn vị. Lời nói đi đôi với việc làm.
- Thường xuyên học tập và phát triển để thích ứng nhanh với những sự thay đổi của môi trường kinh doanh và nhu cầu của khách hàng, thị trường.
- Công ty thường xuyên tạo điều kiện, đào tạo và hỗ trợ việc học tập cho CB-CNV coi đây là một yếu tố quyết định sự thành công của Công ty.
- Học tập tự giác để rèn luyện nhân cách, nâng cao chuyên môn và làm chủ công nghệ.

CHẤT LƯỢNG

- Thỏa mãn tốt nhất các nhu cầu của khách hàng thông qua việc tiên đoán và đo lường các nhu cầu, sở thích của khách hàng.
- Gắn bó với khách hàng và nhà cung cấp, tạo ra sự hợp tác chặt chẽ, hiệu quả trong nội bộ cũng như đối với các đối tác bên ngoài với những tiêu chuẩn mới, cao hơn.
- Liên tục tìm kiếm những giải pháp sáng tạo để liên tục hoàn thiện và nâng cao năng suất, chất lượng.
- Chất lượng sản phẩm và dịch vụ được quyết định bởi tính chuyên nghiệp và tinh thần kinh doanh. Cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty luôn quan tâm tới việc nâng cao tính chuyên nghiệp, tinh thần kinh doanh để liên tục hoàn thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thỏa mãn tốt nhất các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

TINH THẦN KINH DOANH

- Tất cả các thành viên luôn tích cực, chủ động, lao động sáng tạo và đạt hiệu quả cao, không trông chờ và ỷ lại cấp trên.
- Phát huy tới đa quyền tự chủ của mọi thành viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho tất cả các thành viên phát triển để đạt tới những thành tích bền vững. Kết quả và hiệu quả công việc là tiêu chuẩn cao nhất trong đánh giá năng lực của từng thành viên.
- Sáng kiến, sáng tạo, đổi mới phải trở thành phong cách sống và hành động hàng ngày của mỗi CBCNV trong công ty. Công ty luôn trân trọng và tạo mọi điều kiện để tất cả các thành viên tham gia vào quá trình đổi mới, sáng tạo. Những đóng góp của sự sáng tạo và đổi mới vào kết quả và hiệu quả kinh doanh được trân trọng và thưởng thỏa đáng.

ĐỒNG ĐỘI

- Đoàn kết, gắn bó, làm việc đồng đội, tích cực, nhiệt tình tham gia các hoạt động chung vì sự phát triển bền vững của toàn đơn vị cũng như của từng thành viên. Xây dựng mối đoàn kết gắn bó trong nội bộ công ty như trong một mái nhà chung.
- Gắn bó chặt chẽ với khách hàng và nhà cung cấp tạo ra sự cộng hưởng trong nội bộ cũng như với các đối tác bên ngoài.
- Quan tâm tới con người, luôn tôn trọng con người, chăm sóc và thỏa mãn tốt nhất nhu cầu và lợi ích của từng thành viên.
- Hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ đồng thời thách thức lẫn nhau thực hiện ở mức cao hơn với những giải pháp sáng tạo và hiệu quả hơn. Tất cả các hoạt động trong từng đơn vị, giữa các đơn vị trong nội bộ công ty và bên ngoài công ty được thực hiện phải trở thành những đội vô địch. Thể hiện tinh thần đồng đội cao và phong cách chuyên nghiệp trong làm việc đồng đội.
- Luôn luôn giữ vững và phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây". Tích cực làm công tác xã hội và trở thành thành viên tốt trong cộng đồng.

THÀNH CÔNG

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, thực hiện hài hòa 03 lợi ích "Công ty, Người lao động và Cổ đông".
- Tôn trọng và thực hiện tốt các cam kết với khách hàng là tiêu chuẩn số một để đo lường đánh giá các hoạt động của từng bộ phận và cá nhân trong đơn vị.
- Luôn dẫn đầu về thị trường, sản phẩm và dịch vụ với giá cả cạnh tranh trong những thị trường mà công ty tham gia.
- Giữ vững và mở rộng thị phần: thỏa mãn tốt nhất các yêu cầu của khách hàng hiện tại và mở rộng sang thị trường, khách hàng mới cũng như các ngành nghề mới có lợi thế và tiềm năng.
- Thành công và sự phát triển bền vững của Công ty cũng như thành công của các đối tác bao gồm khách hàng, nhà cung cấp và những nhân vật khác có liên quan.

RỦI RO KINH TẾ

Nền kinh tế nước ta năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Kinh tế vĩ mô Việt Nam được đánh giá là ổn định khi tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6.81% so với năm 2016. Trong đó khu vực công nghiệp có mức tăng khá cao. Nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ sẽ tạo lợi thế cho ngành dệt may và một số ngành xuất khẩu. Lạm phát có sự gia tăng nhẹ 1,41% so với năm trước. Lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khiến doanh nghiệp phải bổ sung thêm vốn cũng như chi phí đầu vào bị biến động giá cả dẫn tới ảnh hưởng đáng kể đến khả năng sinh lời của AG1.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro được đề cập đến trong phần này là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai (động đất, bão lụt, hoả hoạn, dịch bệnh ...), chiến tranh, khủng bố, khủng hoảng kinh tế thế giới.... Những rủi ro này rất ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực không thể lường trước được đối với tình hình sản xuất KD của Công ty và giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán. Vì thế, Công ty luôn nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác đồng thời lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa những rủi ro, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thực hiện đúng như kế hoạch.

RỦI RO PHÁP LÝ

Mọi quy định pháp luật về kinh doanh đều tác động trực tiếp đến kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Một môi trường pháp lý lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động kinh doanh và vừa điều chỉnh các hoạt động kinh tế của mình có hiệu quả. Sự thay đổi các qui định, chính sách của Nhà nước có liên quan đến ngành dệt may điển hình là chính sách thuế đối với hàng dệt may hay các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các doanh nghiệp trong ngành làm thu hút nhiều lao động. Tất cả đều làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và toàn ngành dệt may nói chung. Điều này đặt ra cho CTCP 28.1 phải có những chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thích hợp với từng sự thay đổi

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Các sản phẩm dệt may nước ta chịu sự cạnh tranh gay gắt không chỉ những đối thủ trong nước mà còn với các đối thủ đến từ: Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh... Các nước này đang được hưởng nhiều chính sách ưu đãi từ Chính phủ của họ, đặc biệt là về tỷ giá so với đồng USD để phát triển ngành dệt may và thu hút đơn hàng. Hơn nữa, giá gia công ngành may trong 3 năm gần đây của các nước này lại không tăng. Tình hình cạnh tranh khá mạnh như vậy tất nhiên sẽ tác động đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chi phí ngành (chi phí lưu kho, chi phí vận chuyển,...) thì ngày một gia tăng. Sự biến động của giá dầu thô thế giới tác động đến giá nguyên liệu (sợi tổng hợp, hoá chất thuốc nhuộm...) và gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và giá thành sản phẩm vải của Công ty. Ngoài ra, nguồn nhân lực ngành dệt may đang bị thiếu hụt, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Sự biến động lao động trong ngành dệt may luôn ở mức cao so với các ngành khác. Không những vậy, các hoạt động buôn lậu, trốn thuế các sản phẩm dệt may vào Việt Nam tác động vô cùng tiêu cực tới tình hình sản xuất kinh doanh của ngành dệt may nói chung và Công ty nói riêng. Điều này đặt doanh nghiệp trong việc phát huy nội lực, chú trọng đầu tư công nghệ, luôn cải tiến mẫu mã sản phẩm, chất lượng để sản phẩm dệt may có thể chiếm lĩnh thị trường trong nước và chinh phục thị trường nước ngoài.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch	Kiểm Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	Kiểm Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	Kiểm Kế toán trưởng

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đỗ Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Năm sinh: 20/05/1968

Nguyên quán: Quỳnh Phụ - Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sở hữu: 100.000CP, chiếm 2,06%VĐL

Quá trình công tác:

- 10/1993 – 2001 Nhân viên, sau đó làm Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp 3 Tổng Công ty 28
- 12/2001 - 12/2003 Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp 2 Tổng Công ty 28
- 01/2004 - 11/2004 Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng – Tổng Công ty 28
- 12/2004 - 03/2013 Phó Giám đốc, sau đó làm Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28
- 04/2013 - 23/09/2016 Phó Tổng Giám đốc Công ty 28 kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV 28.1
- 24/09/2016 - Nay Phó Tổng Giám đốc Công ty 28 kiêm Chủ tịch HĐQT CTCP 28.1

Ông Trần Doãn Thoan – Phó Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Năm sinh: 07/10/1968

Nguyên quán: Nhân Hậu – Lý Nhân – Hà Nam

Trình độ chuyên môn: Đại học SP Kỹ thuật, chuyên ngành may

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT

Sở hữu: 52.800CP, chiếm 1,08%VĐL

Quá trình công tác:

- 10/1988 - 12/1991 Nhân viên Kỹ thuật XN May X 28
- 01/1992 - 04/2010 Phó Phòng Kỹ thuật; TP Kỹ thuật – Công ty 28.1 – Tổng Công ty 28
- 05/2010 - 02/2013 Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28
- 03/2013 - 09/2016 Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28
- 24/09/2016 - Nay Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần 28.1

Ông Nguyễn Vĩnh Long – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Năm sinh: 06/12//1976

Nguyên quán: Quang Minh – Mê Linh – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân tin học

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Sở hữu: 100.300CP, chiếm 2,06%VĐL

Quá trình công tác:

- 07/2000 - 10/2002 NV IT ban CNTT – Công ty 32 – Tổng cục Hậu cần
- 11/2002 - 09/2009 Trưởng ban CNTT Công ty cổ phần 32 – TCHC – BQP
- 10/2009 - 09/2012 Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp
- 10/2012 - 10/2013 Phó Phòng Kinh doanh Tổng Công ty 28
- 11/2013 - 09/2016 Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV 28.1 Tổng Công ty 28
- 24/09/2016 - Nay Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP 28.1

Bà Nguyễn Thị Hồng Trang – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 17/10/1978

Nguyên quán: Độc lập – Hưng Hà – Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại Ngữ

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Sở hữu: 11.800CP, chiếm 0,24%VĐL

Quá trình công tác:

08/2000 - 12/2004	Nhân viên Dinh Thống Nhất tại TP. HCM
12/2004 - 09/2009	Nhân viên Phòng NCPT & ĐT Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP
09/2009 - 08/2014	Nhân viên Phòng Chính trị Tổng Công ty 28 – TCHC - BQP
08/2014 - 09/2016	Phó Phòng KH; sau đó làm Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28
24/09/2016 - Nay	Thành viên HĐQT, Trưởng P. Kế hoạch CTCP 28.1

Ông Nguyễn Hữu Phước – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Năm sinh: 09/12/1976

Nguyên quán: Hóc Môn – TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Đại học TCKT

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Sở hữu: 60.400CP, chiếm 1,24%VĐL

Quá trình công tác:

- 01/1999 - 05/2000 Nhân viên XNK Công ty TNHH TMDV Sơn Hà
- 06/2000 - 02/2012 Nhân viên TCKT Xí nghiệp 2 và PTCKT Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP
- 03/2012 - 02/2013 Phó Phòng Đầu tư phát triển và nghiệp vụ Công ty Xăng dầu – Tổng Công ty 28
- 03/2013 - 06/2014 Trưởng phòng Kế toán – Hậu cần Công ty Xăng dầu – Tổng Công ty 28
- 07/2014 - 09/2016 KTT kiêm TP.TCKT Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28
- 24/09/2016 - Nay Thành viên HĐQT, KTT kiêm TP.TCKT CTCP 28.1

CƠ CẤU BAN GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Phó giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Phước	Kế toán trưởng



SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN GIÁM ĐỐC

Sơ yếu lý lịch của ông Trần Doãn Thoan, ông Nguyễn Vĩnh Long và ông Nguyễn Hữu Phước vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Phó Giám đốc

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 09/04/1973

Nguyên quán: Quang Lịch – Kiến Xương – Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VĐL

Quá trình công tác:

- 06/1995 - 04/1998 Tổ phó SX tại XN 3 – Công ty 28
- 05/1998 - 12/2006 Tổ trưởng SX tại XN 3 – Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP
- 01/2007 - 03/2007 Phó Quản đốc xưởng – CTCP Bình Phú – Tổng Công ty 28
- 04/2007 - 06/2012 Quản đốc xưởng – CTCP Bình Phú – Tổng Công ty 28
- 07/2012 - 02/2016 P. Tổng Giám đốc – CTCP Bình Phú – Tổng Công ty 28
- 03/2016 - 10/2016 P. Giám đốc – XN May Đo Quân Đội - Tổng Công ty 28
- 11/2016 - 06/2017 Giám đốc – XN May Đo Quân Đội - Tổng Công ty 28
- 07/2017 - Nay P. Giám đốc – CTCP 28.1



CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên
Bà Trần Thị Lê	Thành viên



SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông Lữ Công Thịnh – Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Năm sinh: 23/07/1976

Nguyên quán: Gò Vấp – TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học TCKT

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát

Sở hữu: 20.000 CP, chiếm 0,4%VDL

Quá trình công tác:

- 02/1998 - 10/2009 Nhân viên kế toán Tổng công ty 28
- 11/2009 - 02/2014 Kế toán trưởng CTCP 28 Hưng Phú Tổng Công ty 28 – TCHC – BQP
- 03/2014 - 23/09/2016 Phó Phòng TCKT Tổng Công ty 28
- 24/09/2016 - Nay Phó Phòng TCKT Tổng Công ty 28 kiêm Trưởng Ban kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Kiên – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Năm sinh: 29/12/1975

Nguyên quán: Thọ Xuân – Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Đại học TCKT

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát

Sở hữu: 1.800 CP, chiếm 0,04%VĐL

Quá trình công tác:

- 01/1997 - 11/1998 Nhân viên kế toán XN May do Quân đội Tổng Công ty 28
 - 12/1998 - 23/09/2016 Nhân viên KTTH Công ty TNHH MTV 28.1
 - 24/09/2016 - Nay Nhân viên KTTH Công ty CP 28.1 kiêm Thành viên Ban kiểm soát
-

Bà Trần Thị Lê – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 05/11/1985

Nguyên quán: Đạ Hoai – Lâm Đồng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát

Sở hữu: 1.600 CP, chiếm 0,03%VĐL

Quá trình công tác:

- 06/2005 - 09/2010 Nhân viên Cân đối XN May do Quân đội Tổng Công ty 28
 - 10/2010 - 23/09/2016 Nhân viên Cân đối Công ty TNHH MTV 28.1
 - 24/09/2016 - Nay Nhân viên Cân đối Công ty CP 28.1 kiêm Thành viên Ban kiểm soát
-

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

- ✓ Ông Nguyễn Minh Phương – Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc từ ngày 30/06/2017
- ✓ Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc từ ngày 30/06/2017



CHANGE



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tại thời điểm ngày 31/12/2017, tổng số cán bộ nhân viên, người lao động của Công ty là 830 người. Cơ cấu lao động như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	830	100.0%
1	Trình độ đại học, trên đại học	39	4.70%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	40	4.82%
3	Khác	751	90.48%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	830	100.00%
1	Lao động hợp đồng không xác định thời gian	715	86.14%
2	Lao động hợp đồng có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	115	13.86%

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2015	8.403.262
2	2016	8.891.770
3	2017	9.023.181
4	Dự kiến năm 2018	9.000.000

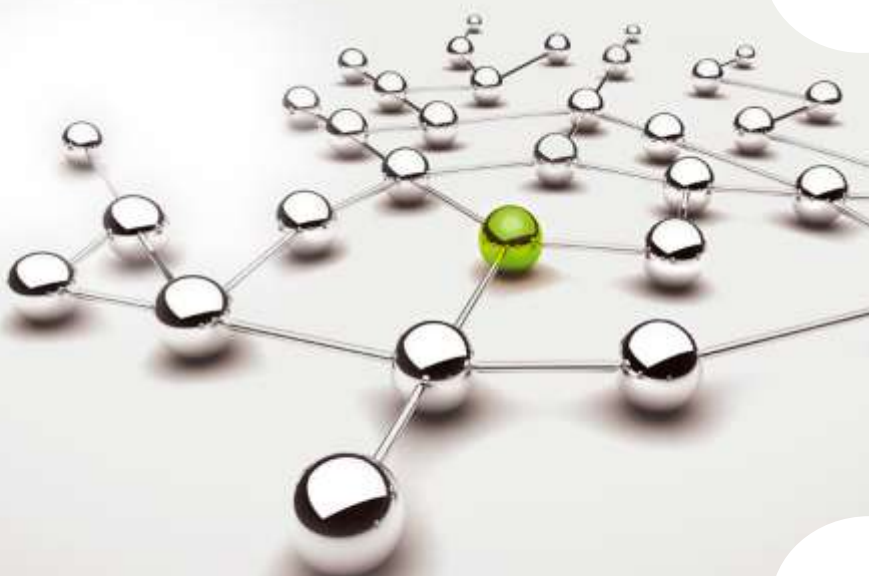


CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được thăng chức, nâng bậc lương đúng niên hạn, chuyển chế độ quân nhân chuyên nghiệp, các chính sách hậu phương gia đình cán bộ và người lao động đều được quan tâm. 100% người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công phù hợp công việc và các chế độ khác theo qui định. Cụ thể như sau:



- ✓ Công ty thực hiện chính sách tiền lương căn cứ vào thang bảng lương do Nhà nước quy định
- ✓ Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc
- ✓ Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước
- ✓ Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ nhân viên và người lao động
- ✓ Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động và các chính sách của Công ty Cổ phần 28.1

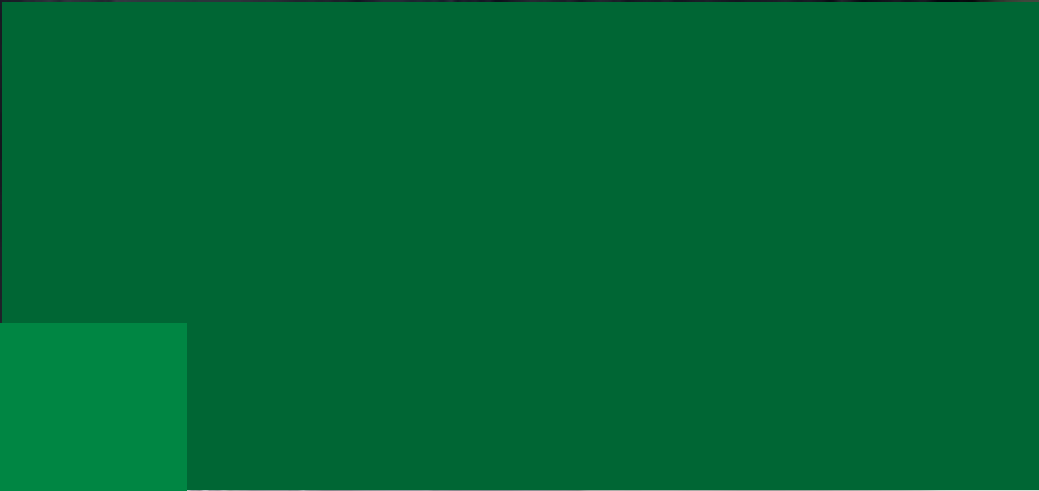




TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Quý IV/2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ TH/ KH 2017
Doanh thu	116.582.132.715	500.954.033.000	462.826.884.898	92,39%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	2.567.663.989	10.500.000.000	10.502.695.767	100,03%
Vốn điều lệ	48.633.860.000	48.633.860.000	48.633.860.000	100,00%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	5,28%	21,59%	21,6%	100,03%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	2,17%	2,09%	2,26%	107,89%
Nộp NSNN	-	21.485.417.047	20.915.232.443	97,35%
Đầu tư máy móc thiết bị	-	7.678.914.000	4.267.772.000	55,58%

Công ty cổ phần 28.1 là đơn vị sản xuất kinh doanh may mặc, trong đó chủ yếu là may veston nam xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu, Nhật, Mỹ và tiêu thụ trong thị trường nội địa.

Trong những năm qua, Công ty đã chủ động tìm kiếm nguồn hàng và ký thỏa thuận với khách hàng bao tiêu sản phẩm theo công suất thiết kế, các hợp đồng có giá trị lớn với nước ngoài.

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Công ty luôn quan tâm và chú trọng đầu tư máy móc trang thiết bị mới, hiện đại nhằm phục vụ sản xuất, cụ thể chỉ trong 3 năm gần đây Công ty đã đầu tư thêm 32 tỷ đồng. Tài sản của Công ty đã được đầu tư đúng mục đích, phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh. Tài sản được giao cho các bộ phận sử dụng và quản lý, sửa chữa bảo dưỡng định kỳ theo quy định. Trong những năm qua, Công ty không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và phấn đấu đưa hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển bền vững; xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, nhiều năm qua được Tổng Công ty, Tổng cục Hậu cần tặng bằng khen, Cờ thi đua và Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động.

CƠ CẤU DOANH THU

STT	Khoản mục	Quý 4/2016		Năm 2017	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu hàng xuất khẩu	112.717.860.071	95,38%	447.169.234.328	96,05%
2	Doanh thu hàng kinh tế	3.406.272.612	2,88%	14.222.728.357	3,06%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	458.000.032	0,39%	1.434.922.213	0,31%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.563.945.727	1,32%	2.630.876.687	0,57%
5	Thu nhập khác	29.300.000	0,02%	92.136.364	0,02%
Tổng		118.175.378.442	100,00%	465.549.897.949	100,00%

CƠ CẤU LỢI NHUẬN

STT	Khoản mục	Quý 4/2016		Năm 2017	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp hàng xuất khẩu	11.972.938.598	10,13%	39.470.647.529	8,48%
2	Lợi nhuận hàng kinh tế	864.408.530	0,73%	3.192.839.685	0,69%
3	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	414.544.348	0,35%	1.261.099.477	0,27%
4	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	107.798.673	0,09%	568.543.970	0,12%
5	Lợi nhuận khác	29.300.000	0,02%	92.136.364	0,02%
Tổng		13.388.990.149	11,33%	44.585.267.025	9,58%

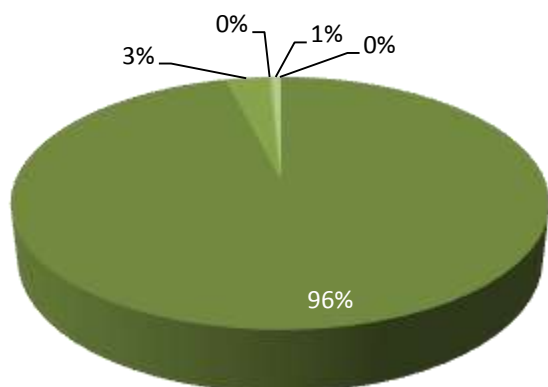


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Thực hiện Q4/2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/ KH 2017
Vốn chủ sở hữu	48.819.812.374	49.721.410.574	49.723.265.262	100,00%
Doanh thu thuần	116.582.132.715	500.954.033.000	462.826.884.898	92,39%
Lợi nhuận từ HĐKD	2.538.363.989	10.500.000.000	10.410.559.403	99,15%
Lợi nhuận khác	29.300.000	-	92.136.364	-
Lợi nhuận trước thuế	2.567.663.989	10.500.000.000	10.502.695.767	100,03%
Lợi nhuận sau thuế	2.054.131.191	8.400.000.000	8.402.156.614	100,03%
EPS	363	1.485	1.486	100,07%

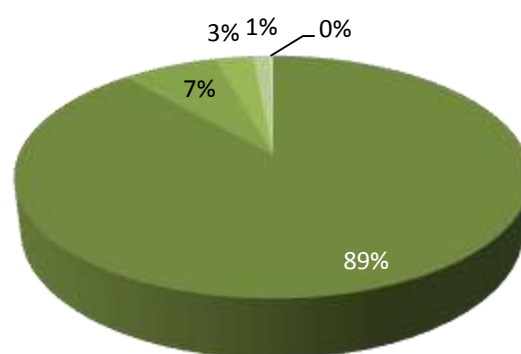
Doanh thu tăng trưởng ấn tượng trong năm qua. Tất cả doanh thu trong cơ cấu bao gồm doanh thu xuất khẩu, doanh thu hàng kinh tế và doanh thu cung cấp dịch vụ đều có sự tăng trưởng. Doanh thu thuần quý 4/2016 đạt 116,58 tỷ đồng. Năm 2017, hầu hết chỉ tiêu kinh doanh của Công ty hầu hết đều vượt kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 100,07% và đạt 10,5 tỷ đồng. Điều này cho thấy sự nỗ lực của doanh nghiệp và khả năng chỉ đạo, điều hành của Ban Giám đốc trong việc thực hiện xuất sắc các kế hoạch đã đặt ra. Thêm vào đó, AG1 năm vừa qua đã giảm nợ rất nhiều. Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn. Tính đến nay, Công ty không có nợ quá hạn. Qua đó, cho thấy một triển vọng khả quan về tương lai của doanh nghiệp.

CƠ CẤU DOANH THU



- Doanh thu hàng xuất khẩu
- Doanh thu hàng kinh tế
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác

CƠ CẤU LỢI NHUẬN



- Lợi nhuận gộp hàng xuất khẩu
- Lợi nhuận hàng kinh tế
- Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ
- Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính
- Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016 (*)	2017
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,13
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,4	0,41
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	73,45%	66,26%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	276,65%	196,38%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,15	5,20
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,74	2,79
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,76%	1,82%
	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,63%	17,05%
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	1,31%	5,07%
	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,18%	2,25%

(*) Các hệ số tài chính 2016 tính trên số liệu quý 4/2016.



CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần phát hành: 4.863.386 cổ phần

- ✓ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.863.386 cổ phần.
- ✓ Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- ✓ Cổ phiếu quỹ: 0 CP
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

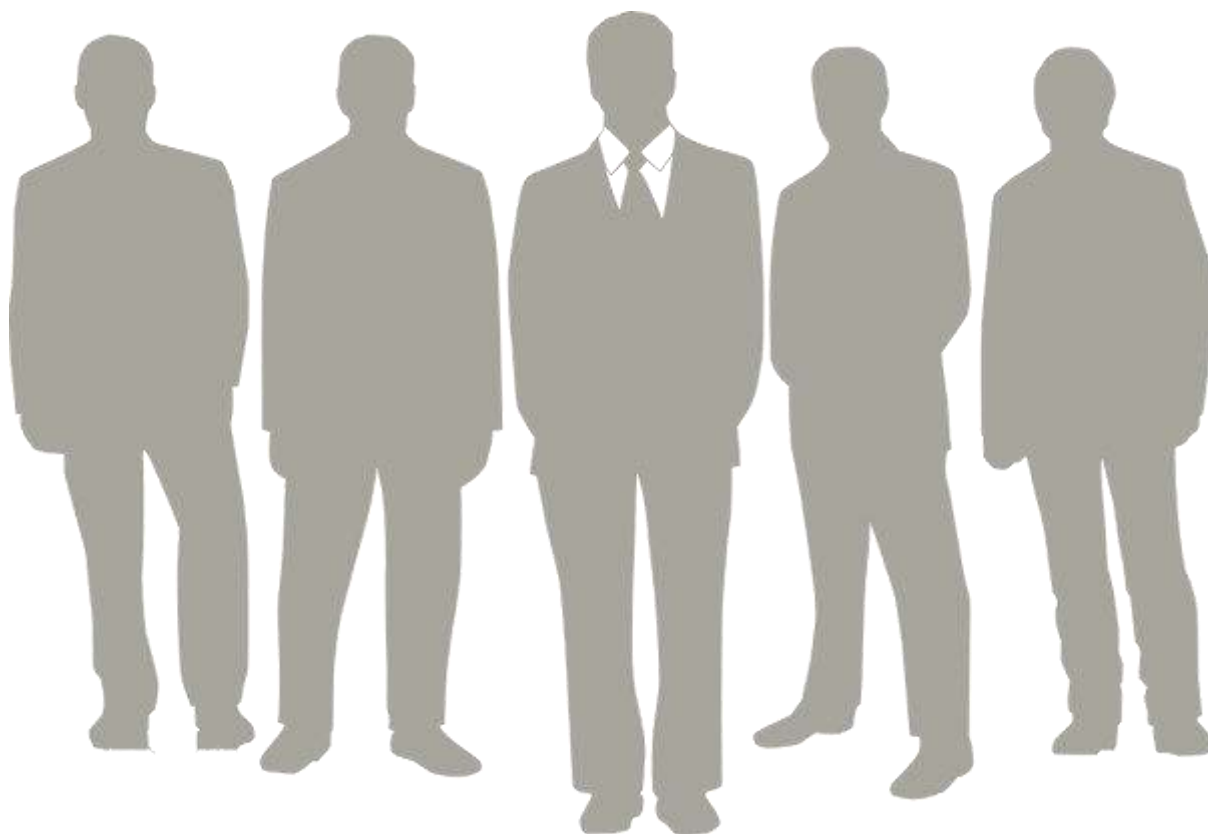
Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	196	4.863.386	100,00%
	Tổ chức	2	3.191.201	65,62%
	Cá nhân	194	1.672.185	34,38%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	196	4.863.386	0%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.161.201	65,00%
	Tổng cộng	3.161.201	65,00%





A hand is shown holding a single yellow square tile with a dark green silhouette of a person in a suit. Below it, a grid of similar tiles is visible, some in focus and some blurred. The background is a soft blue gradient with a green diagonal overlay in the top right corner.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

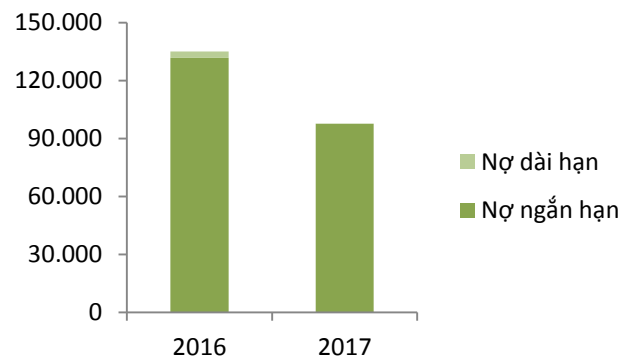
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

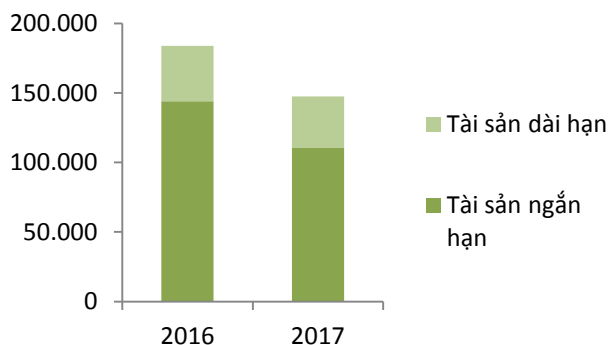
Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH/KH 2017 (%)
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	48,63	48,63	48,63	100,00%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	118,18	502,15	465,55	92,17%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,57	10,5	10,5	100,00%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu	%	2,17%	2,09%	2,26%	108,13%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	%	5,28%	21,59%	21,60%	100,05%
Cổ tức	%	3,25%	13%	13%	100,00%

Trong năm qua, Công ty đạt được tổng doanh 465,55 tỷ đồng, đạt 92,17% kế hoạch đã đặt ra và Lợi nhuận trước thuế 10,5 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch. Tuy giá cả nguyên vật liệu và các mặt hàng tiêu dùng có nhiều biến động theo chiều hướng tăng cao, thị trường chứng khoán sụt giảm, lãi suất cao ... đã tác động tiêu cực đến hoạt động của ngành may mặc. Tuy nhiên nhu cầu về hàng xuất khẩu hàng may mặc hàng năm tăng bình quân 15-20%. Đó là những lợi thế của Công ty trong sản xuất kinh doanh ngành hàng truyền thống.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN



TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Trải qua hơn 25 năm xây dựng và trưởng thành, ngày nay Công ty 28.1 là một trong những doanh nghiệp may mặc hàng đầu của Quân đội. Công ty có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực may mặc quân trang Quốc phòng và may hàng xuất khẩu, với thiết bị công nghệ hiện đại được nhập từ các nước tiên tiến trên thế giới. Thương hiệu Công ty 28.1 đã có uy tín cao trong lĩnh vực may mặc ở Việt Nam và quốc tế, đã được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	144.002.412.334	78,31%	110.335.551.455	74,87%	-23,38%
Tài sản dài hạn	39.875.281.580	21,69%	37.036.481.967	25,13%	-7,12%
TỔNG TÀI SẢN	183.877.693.914	100,00%	147.372.033.422	100,00%	-19,85%

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	131.702.881.540	97,52%	97.543.768.160	99,89%	-25,94%
Nợ dài hạn	3.355.000.000	2,48%	105.000.000	0,11%	-96,87%
NỢ PHẢI TRẢ	135.057.881.540	100,00%	97.648.768.160	100,00%	-27,70%
Vốn chủ sở hữu	48.819.812.374	100,00%	49.723.265.262	100,00%	1,85%

Trong cơ cấu tài sản năm 2017, tài sản ngắn hạn chiếm ưu thế với tỷ trọng 74,87%. Tỷ trọng có giảm nhẹ so với năm trước đó. Điều này có thể được lý giải bởi hàng tồn kho giảm, cùng với đó các khoản tiền mặt cũng giảm nên kéo theo tài sản ngắn hạn giảm. Qua đó có thể thấy năm qua tình hình quản lý hàng tồn kho của Công ty khá tốt, sản phẩm được tiêu thụ một cách dễ dàng và không ứ đọng nhiều sẽ giúp ích cho Công ty rất nhiều trong việc giảm chi phí lưu kho. Tài sản dài hạn cũng giảm trong năm qua. Sự đi xuống của các khoản mục tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, mà nhiều hơn là tài sản ngắn hạn đã kéo theo sự giảm sút của tổng tài sản CTCP 28.1

Nhìn chung, cơ cấu sử dụng nợ có sự ghi nhận giảm, đặc biệt là nợ dài hạn. Cơ cấu sử dụng nợ của Công ty vẫn chủ yếu là nợ ngắn hạn. Năm 2017, nợ ngắn hạn giảm so với năm trước là 25,94%, đạt mức là 97,5 tỷ đồng. Nợ vay ngắn hạn là các khoản vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội để bổ sung vốn lưu động. Còn các khoản nợ vay dài hạn chủ yếu là các khoản vay Công ty dùng để mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán. Nguồn vốn chủ sở hữu có tăng nhẹ so với năm trước chủ yếu là từ sự gia tăng của nguồn lợi nhuận sau thuế.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Chi tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN 2017	KẾ HOẠCH 2018	%KH 2018/ TH 2017
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	48,63	48,63	100,00%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	462,83	480,00	103,71%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,50	11,00	104,76%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	%	2,27%	2,29%	100,88%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	21,59%	22,62%	104,77%
Nộp NSNN	Tỷ đồng	20,92	22,11	105,69%
Đầu tư máy móc thiết bị	Tỷ đồng	4,27	5,62	131,62%
EPS	Đồng	1.486	1.556	104,71%

Về tổ chức sản xuất kinh doanh:

Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đảm bảo các sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo kế hoạch giao hàng đáp ứng yêu cầu khách hàng

- ✓ Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hóa cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân
- ✓ Thường xuyên cập nhật, cải tiến qui trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008
- ✓ Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cao cho CB-CNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành có tay nghề
- ✓ Mở rộng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh Công ty; tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các chủ đầu tư với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên
- ✓ Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh và coi đó là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định với sự phát triển bền vững của Công ty

Về tìm kiếm, phát triển thị trường:

Tích cực tìm kiếm phát triển thị trường trong và ngoài nước, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty

- ✓ Giữ vững các mối quan hệ truyền thống và phát triển mới các thị trường, thị phần trong nước và ngoài nước
- ✓ Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên doanh liên kết với các Công ty bạn, tận dụng năng lực để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Xây dựng mối quan hệ tốt với các khách hàng, đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm cơ hội phát triển bền vững.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.

Giải trình của Ban giám đốc về ý kiến kiểm toán

Ban giám đốc không có ý kiến giải trình thêm



Về doanh thu, chi phí:

- ✓ Tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các đơn vị, các khách hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên.
- ✓ Đầu tư cơ sở vật chất; đơn đốc thu hồi công nợ; tập trung nguồn lực đẩy mạnh công tác cải tiến nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; đảm bảo giao hàng theo đúng kế hoạch không để phát sinh chi phí do giao hàng trễ
- ✓ Tổ chức phân tích hoạt động kinh tế định kỳ các mã hàng, khách hàng để có định hướng phát triển khách hàng có hiệu quả SXKD cao, những mã hàng đã hoàn thành giao hàng phải nhanh chóng quyết toán nội bộ đồng thời thu hồi công nợ kịp thời, không để phát sinh nợ khó đòi
- ✓ Đầu tư thay thế máy móc thiết bị nhằm hiện đại hóa sản xuất, nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí trực tiếp đến giá thành sản phẩm
- ✓ Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các định mức kinh tế - kĩ thuật ở tất cả các khâu



BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

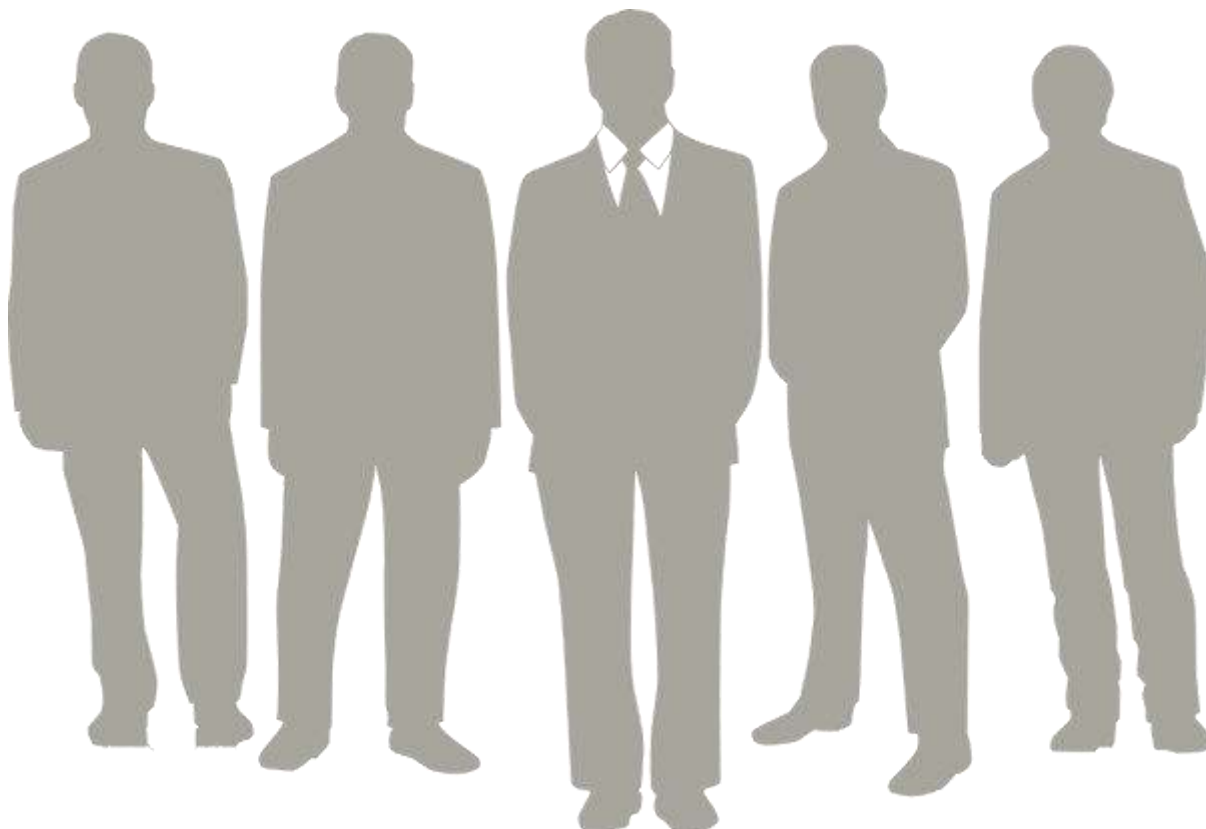


Công ty định hướng nỗ lực để phát triển bền vững trở thành doanh nghiệp lớn mạnh trong lĩnh vực may mặc. Công ty ngoài tập trung vào xây dựng thương hiệu thời trang thì còn cần phải luôn giữ vững vai trò chủ đạo của giá trị sản phẩm veston nam. AG1 luôn cố gắng cao nhất trong việc phát huy nguồn lực nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty ở trong và ngoài nước nhằm xây dựng Thương hiệu CTCP 28.1 trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực may mặc, có khả năng cạnh tranh.

Các thành viên Ban Giám đốc là những người được đào tạo, có trình độ học vấn từ bậc đại học trở lên, có đạo đức tốt, đa số gắn bó với Công ty nhiều năm, trải qua nhiều vị trí quản lý trong Công ty, nên đa số có kinh nghiệm về ngành nghề.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành chung; các Phó Giám đốc được phân công nhiệm vụ theo dõi/ phụ trách theo từng lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Công ty năm vừa qua đã thực hiện rất tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguồn lợi nhuận. Các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của Công ty. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển. Điều đó cho thấy sự nghiêm túc và có trách nhiệm của Ban Giám đốc.



Chi tiêu	ĐVT	TH 2017	KẾ HOẠCH 2018	%KH 2018/ TH 2017
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	465,55	480,00	103,10%
<i>Doanh thu hàng xuất khẩu</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>447,17</i>	<i>469,39</i>	<i>104,97%</i>
<i>Doanh thu hàng kinh tế</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>14,22</i>	<i>8,02</i>	<i>56,40%</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,43</i>	<i>0,91</i>	<i>63,64%</i>
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,63</i>	<i>1,68</i>	<i>63,88%</i>
<i>Thu nhập khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>0,09</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,50	11,00	104,76%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,4	8,80	104,76%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu	%	2,27%	2,29%	100,95%
Thu nhập bình quân	1000đ	9.023	9.000	99,75%
Lao động bình quân	Người	830	840	101,20%



Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Để hoàn thành tốt các chỉ tiêu năm 2018 Công ty đưa ra, HĐQT đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Đại hội đồng Cổ đông đưa ra, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty
- HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1

Chính sách liên quan đến người lao động

- ✓ Luôn đảm bảo sức khỏe và an toàn của người lao động, tuân thủ Quy định của Nhà nước về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
- ✓ Cán bộ nhân viên Công ty được kiểm tra sức khỏe định kỳ, điều trị bệnh nghề nghiệp và được trang bị đầy đủ các trang thiết bị làm việc, bảo hộ lao động.
- ✓ Được đào tạo, huấn luyện định kỳ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động.
- ✓ Chế độ lương thưởng, phúc lợi,... đầy đủ giúp người lao động an tâm công tác, cống hiến vì sự phát triển bền vững của Công ty.

2

Hỗ trợ cộng đồng

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng. Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến việc chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh kém may mắn

Tiếp bước thành công những năm trước, trong năm nay, công ty tiếp tục tổ chức các chương trình từ thiện chung tay cùng tình nhà và các tổ chức khác giúp đỡ những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn như: ủng hộ quỹ vì người nghèo; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, tình thương, nhà đại đoàn kết cho người có hoàn cảnh khó khăn; đóng góp ủng hộ đồng bào gặp lũ lụt ở miền Trung; ủng hộ quỹ xây dựng cầu nông thôn cho vùng sâu vùng xa; tặng quà Tết cho người nghèo để hỗ trợ phần nào về vật chất lẫn tinh thần cho bà con, những người nghèo, người có hoàn cảnh neo đơn một phần nào đó có thể đón tết một cách đầy đủ, trọn vẹn niềm vui.

3

Môi trường và năng lượng

Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng thông qua các chương trình công tác cụ thể:

- ✓ Thường xuyên việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các đơn vị.
- ✓ Tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ kỹ thuật phụ trách môi trường và tiết kiệm năng lượng
- ✓ Tuyên truyền đến nhân viên bảo vệ môi trường sống nói chung và công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nói riêng
- ✓ Ứng dụng các sáng kiến, cải tiến công nghệ sản xuất và tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động. Luôn đảm bảo các hạng mục xử lý chất thải đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.
- ✓ Đảm bảo quy chuẩn xả thải và giám sát việc xử lý nước thải và các chất thải trong quá trình sản xuất
- ✓ Đảm bảo một môi trường làm việc thoáng mát, sạch sẽ



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các khoản giao dịch, thù lao và lợi ích

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

Các phiên họp của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch	24/09/2016	08/08	100%
2	Ông Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch	24/09/2016	08/08	100%
3	Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	24/09/2016	08/08	100%
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên	24/09/2016	08/08	100%
5	Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	24/09/2016	08/08	100%





HDQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát công ty kiểm tra các vấn đề:

- Triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 giao và Hội đồng quản trị đề ra.
- Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để có biện pháp, chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc điều hành các vấn đề có ảnh hưởng đến nguồn lực đảm bảo cho hoạt động hiệu quả của Công ty.
- Kiểm tra thường xuyên đảm bảo việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu / không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng BKS	24/09/2016	04/04	100%
2	Ông Nguyễn Văn Kiên	Thành viên BKS	24/09/2016	04/04	100%
3	Bà Trần Thị Lê	Thành viên BKS	24/09/2016	04/04	100%

Ban kiểm soát có nhiệm vụ lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai, kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với nội dung như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc
- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị và điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương đúng pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao.





GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và Tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
I	Hội đồng quản trị		62.580.000	211.692.695	15.000.000
1	Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	14.580.000		11.000.000
2	Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch HĐQT	12.000.000		
3	Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT	12.000.000		
4	Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên HĐQT	12.000.000	211.692.695	4.000.000
5	Nguyễn Hữu Phước	Thành viên HĐQT	12.000.000		
II	Ban Kiểm soát		24.000.000	182.729.153	
1	Lữ Công Thịnh	Trưởng BKS	12.000.000		
2	Nguyễn Văn Kiên	Thành viên BKS	6.000.000	114.267.543	
3	Trần Thị Lê	Thành viên BKS	6.000.000	68.461.610	
III	Ban điều hành			1.320.300.000	35.165.248
1	Trần Doãn Thoan	Giám đốc		421.200.000	14.000.000
2	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc		186.300.000	
3	Nguyễn Vĩnh Long	Phó Giám đốc		372.600.000	11.000.000
4	Nguyễn Hữu Phước	Kế toán trưởng		340.200.000	10.165.248
	CỘNG		86.580.000	1.714.721.848	50.165.248



\$ Salary

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không phát sinh

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Công ty không có giao dịch với cổ đông nội bộ.

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần 28.1 luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017





BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ – BQP ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 - 28) 38 940 914
- Fax : (84 - 28) 38 941 668

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Ông Trần Doãn Thoan	Phó Chủ tịch	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Lữ Công Thịnh	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Nguyễn Văn Kiên	Ủy viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016
Trần Thị Lê	Ủy viên	Ngày 24 tháng 9 năm 2016

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Doãn Thoan – Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014).



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Doãn Thoan
Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2018



Số: 1.0259/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.335.551.455	144.002.412.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.457.758.515	22.433.258.196
1. Tiền	111		3.457.758.515	22.433.258.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.146.698.087	27.784.738.704
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	29.303.887.455	25.284.504.719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.832.316.361	2.500.233.985
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	10.494.271	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		69.993.771.646	91.221.845.290
1. Hàng tồn kho	141	V.5	69.993.771.646	91.221.845.290
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.737.323.207	2.562.570.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.090.390.352	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.646.932.855	2.562.570.144
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.036.481.967	39.875.281.580
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70.000.000	70.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	70.000.000	70.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.966.481.967	37.624.500.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	36.966.481.967	37.624.500.876
- Nguyên giá	222		83.089.463.672	77.372.576.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.122.981.705)	(39.748.075.342)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	2.180.780.704
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	-	2.180.780.704
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.372.033.422	183.877.693.914

,044

ÔNG

NHỆ:

TOÁN

18

7-T.1

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

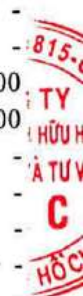
Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		97.648.768.160	135.057.881.540
I. Nợ ngắn hạn	310		97.543.768.160	131.702.881.540
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	40.563.139.334	44.395.056.392
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	184.410.597	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	508.744.656	550.063.523
4. Phải trả người lao động	314	V.11	15.479.753.936	17.691.505.939
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		136.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	10.832.568.139	19.304.408.166
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	26.760.668.500	46.250.071.200
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	3.078.482.998	3.511.776.320
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		105.000.000	3.355.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	105.000.000	105.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	-	3.250.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.723.265.262	48.819.812.374
I. Vốn chủ sở hữu	410		49.723.265.262	48.819.812.374
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	627.377.268	123.247.871
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	462.027.994	62.704.503
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		62.704.503	62.704.503
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		399.323.491	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.372.033.422	183.877.693.914

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018


 Nguyễn Văn Kiên
 Người lập


 Nguyễn Hữu Phước
 Kế toán trưởng


 Trần Doãn Thoan
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	462.826.884.898	116.582.132.715
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		462.826.884.898	116.582.132.715
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	418.902.298.207	103.330.241.239
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.924.586.691	13.251.891.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.630.876.687	1.563.945.727
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.062.332.717	1.456.147.054
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.109.772.276	270.153.007
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.198.807.420	1.714.896.078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29.883.763.838	9.106.430.082
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.410.559.403	2.538.363.989
11. Thu nhập khác	31	VI.7	92.136.364	29.300.000
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		92.136.364	29.300.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.502.695.767	2.567.663.989
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	2.100.539.153	513.532.798
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.402.156.614</u>	<u>2.054.131.191</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.486</u>	<u>363</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>1.486</u>	<u>363</u>


 Nguyễn Văn Kiên
 Người lập


 Nguyễn Hữu Phước
 Kế toán trưởng


 Trần Đoàn Thoan
 Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.502.695.767	2.567.663.989
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	6.475.425.506	1.630.962.528
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	41.674.513	448.224.772
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	(24.545.455)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.109.772.276	270.153.007
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.105.022.607	4.917.004.296
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.453.606.572)	15.844.171.454
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.228.073.644	(35.482.240.545)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(24.177.575.727)	10.158.155.260
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.090.390.352	1.515.910.647
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(1.109.772.276)	(270.153.007)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(2.136.405.560)	(487.697.766)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.14	(1.609.595.248)	(208.347.305)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.936.531.220	(4.013.196.966)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7; VII	(1.713.858.622)	(58.327.280)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	24.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.689.313.167)	(58.327.280)

N.03/2018
TRÁCH
KIỂM T
V.01/18

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.13	85.779.350.191	28.289.765.310
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(108.448.857.767)	(10.575.034.285)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(553.210.158)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(23.222.717.734)</i></u>	<u><i>17.714.731.025</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(18.975.499.681)	13.643.206.779
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.433.258.196	8.793.364.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(3.313.023)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>3.457.758.515</u>	<u>22.433.258.196</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018


 Nguyễn Văn Kiên
 Người lập


 Nguyễn Hữu Phước
 Kế toán trưởng


 Trần Doãn Thoan
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28.1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan); Mua bán hàng may mặc; Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do:

- Số năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu phát sinh từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (sau thời điểm Công ty thực hiện cổ phần hóa).
- Số năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 830 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 848 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là lợi thế kinh doanh. Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08
Tài sản cố định khác	02 – 03

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

3044
ÔN
NH
TOÁN
18
V-T.R

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

0815-6
i TY
HỮU H
À TƯ V.
C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	53.324.577	48.265.513
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.404.433.938	22.384.992.683
Cộng	3.457.758.515	22.433.258.196

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Itochu Prominent USA LLC	25.312.430.044	22.489.474.071
Prominent (Europe) Ltd	3.040.417.963	1.715.001.344
Itochu Corporation	-	819.095.450
Các khách hàng khác	951.039.448	260.933.854
Cộng	29.303.887.455	25.284.504.719

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Zhen Xiang (Hong Kong) Trading Co., Ltd	-	1.214.905.294
Recron (Malaysia) Sdn., Bhd	-	419.443.341
Anwise Corporation Limited	190.300.229	414.315.629
Credit Agricole Leasing & Factoring Sa	1.609.180.251	318.394.754
Hangzhou Sanyue Textile Co.,Ltd	340.057.388	-
Các nhà cung cấp khác	692.778.493	133.174.967
Cộng	2.832.316.361	2.500.233.985

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.821.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.673.271	-	-	-
Cộng	10.494.271	-	-	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản đặt cọc dài hạn.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.679.135.511	-	49.310.004.883	-
Công cụ, dụng cụ	338.098.154	-	72.383.164	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.309.028.625	-	3.892.107.850	-
Thành phẩm	34.667.509.356	-	37.947.349.393	-
Cộng	69.993.771.646	-	91.221.845.290	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (xem thuyết minh số V.13a).

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn là lợi thế kinh doanh còn phải phân bổ.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.183.169.847	49.191.494.959	1.679.103.033	340.536.200	2.978.272.179	77.372.576.218
Mua sắm mới	1.921.501.597	3.895.905.000	-	-	-	5.817.406.597
Thanh lý	-	-	(100.519.143)	-	-	(100.519.143)
Số cuối năm	25.104.671.444	53.087.399.959	1.578.583.890	340.536.200	2.978.272.179	83.089.463.672
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	137.341.734	-	195.036.200	-	332.377.934

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	15.802.348.417	20.957.500.145	1.000.123.573	250.183.830	1.737.919.377	39.748.075.342
Khấu hao trong năm	475.804.152	5.470.428.097	157.858.392	38.012.785	333.322.080	6.475.425.506
Thanh lý	-	-	(100.519.143)	-	-	(100.519.143)
Số cuối năm	16.278.152.569	26.427.928.242	1.057.462.822	288.196.615	2.071.241.457	46.122.981.705
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.380.821.430	28.233.994.814	678.979.460	90.352.370	1.240.352.802	37.624.500.876
Số cuối năm	8.826.518.875	26.659.471.717	521.121.068	52.339.585	907.030.722	36.966.481.967
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	21.700.000
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	-	21.700.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	40.563.139.334	44.373.356.392
Prominent Europe Ltd	19.264.287.426	37.004.223.960
Freudenberg	10.761.707.781	-
Các nhà cung cấp khác	10.537.144.127	7.369.132.432
Cộng	40.563.139.334	44.395.056.392

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản trả trước của Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.269.272	(13.269.272)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.759.471	(6.759.471)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	525.777.402	2.099.139.153	(2.136.405.560)	488.510.995
Thuế thu nhập cá nhân	24.286.121	139.669.915	(143.722.375)	20.233.661
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	550.063.523	2.261.837.811	(2.303.156.678)	508.744.656

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Hàng tiêu thụ trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.502.695.767	2.567.663.989
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	10.502.695.767	2.567.663.989
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.100.539.153	513.532.798
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	(1.400.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.099.139.153	513.532.798

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lương phải trả người lao động	5.232.532.698	5.450.252.899
Quỹ thưởng cho nhân viên	8.847.221.238	10.121.724.066
Quỹ lương dự phòng	1.400.000.000	2.119.528.974
Cộng	15.479.753.936	17.691.505.939

12. Phải trả khác

12a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	7.204.268.261	17.461.436.548
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28:	7.204.268.261	17.461.436.548
- Cổ tức phải trả	4.109.561.300	1.027.390.325
- Phải trả về cổ phần hóa	-	13.388.182.728
- Các khoản phải trả khác	3.094.706.961	3.045.863.495
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.628.299.878	1.842.971.618
Cổ tức phải trả	2.212.840.500	553.210.158
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	600.665.085	338.640.758
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	814.794.293	951.120.702
Cộng	10.832.568.139	19.304.408.166

12b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận đặt cọc dài hạn.

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

3004
CỘNG
HỢP
KẾ TOÁN
A &
V.V.-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay

13a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>3.250.000.000</i>	<i>7.250.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 (xem thuyết minh số V.13b)	3.250.000.000	7.250.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác</i>	<i>23.510.668.500</i>	<i>39.000.071.200</i>
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	23.510.668.500	39.000.071.200
Cộng	<u>26.760.668.500</u>	<u>46.250.071.200</u>

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.5).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	39.000.071.200	85.779.350.191	-	(69.895.124)	(101.198.857.767)	23.510.668.500
Vay dài hạn đến hạn trả	7.250.000.000	-	3.250.000.000	-	(7.250.000.000)	3.250.000.000
Cộng	<u>46.250.071.200</u>	<u>85.779.350.191</u>	<u>3.250.000.000</u>	<u>(69.895.124)</u>	<u>(108.448.857.767)</u>	<u>26.760.668.500</u>

13b. Vay dài hạn

Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 để mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 04%/năm. Số tiền vay được hoàn trả nhiều đợt cho đến khi kết thúc hợp đồng vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.250.000.000	7.250.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	3.250.000.000
Tổng nợ	<u>3.250.000.000</u>	<u>10.500.000.000</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	3.250.000.000	6.500.000.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(3.250.000.000)	(3.250.000.000)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>3.250.000.000</u>

13c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	3.511.776.320	3.432.545.258
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.176.301.926	287.578.367
Chi quỹ	(1.609.595.248)	(208.347.305)
Số cuối năm	<u>3.078.482.998</u>	<u>3.511.776.320</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 30/9/2016	48.633.860.000	-	-	48.633.860.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.054.131.191	2.054.131.191
Trích lập các quỹ trong năm	-	123.247.871	(410.826.238)	(287.578.367)
Chia cổ tức	-	-	(1.580.600.450)	(1.580.600.450)
Số dư cuối năm trước	48.633.860.000	123.247.871	62.704.503	48.819.812.374
Số dư đầu năm nay	48.633.860.000	123.247.871	62.704.503	48.819.812.374
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.402.156.614	8.402.156.614
Trích lập các quỹ trong năm	-	504.129.397	(1.680.431.323)	(1.176.301.926)
Chia cổ tức	-	-	(6.322.401.800)	(6.322.401.800)
Số dư cuối năm nay	48.633.860.000	627.377.268	462.027.994	49.723.265.262

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	17.021.850.000	17.021.850.000
Cộng	48.633.860.000	48.633.860.000

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 48.633.860.000 VND.

15c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 236/QĐ-CTCP ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia lợi nhuận cho các cổ đông	: 6.322.401.800
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 504.129.397
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.176.301.926

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 128.708,29 USD (số đầu năm là 925.001,54 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hàng xuất khẩu	447.169.234.328	112.717.860.071
Doanh thu hàng kinh tế	14.222.728.357	3.406.272.612
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.434.922.213	458.000.032
Cộng	<u>462.826.884.898</u>	<u>116.582.132.715</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (năm trước phát sinh giao dịch bán thành phẩm cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 với số tiền 1.533.112.500 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng xuất khẩu	407.698.586.799	100.744.921.473
Giá vốn hàng kinh tế	11.029.888.672	2.541.864.082
Giá vốn cung cấp dịch vụ	173.822.736	43.455.684
Cộng	<u>418.902.298.207</u>	<u>103.330.241.239</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.505.487	1.815.173
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.613.466.182	1.562.130.554
Chiết khấu thanh toán được hưởng	9.905.018	-
Cộng	<u>2.630.876.687</u>	<u>1.563.945.727</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.109.772.276	270.153.007
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	41.674.513	448.224.772
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	910.885.928	737.769.275
Cộng	<u>2.062.332.717</u>	<u>1.456.147.054</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	712.395.262	619.345.585
Chi phí hải quan, vận chuyển, bốc xếp hàng	2.627.262.498	536.765.158
Xuất mẫu cho khách hàng	664.055.060	558.785.335
Các chi phí khác	195.094.600	-
Cộng	<u>4.198.807.420</u>	<u>1.714.896.078</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	21.616.984.102	5.796.386.907
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.399.799.630	787.982.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.871.177	54.551.349
Thuế, phí và lệ phí	573.034.993	200.321.458
Chi phí lợi thế kinh doanh	1.090.390.352	1.090.390.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.626.593.376	510.922.427
Các chi phí khác	3.381.090.208	665.874.822
Cộng	<u>29.883.763.838</u>	<u>9.106.430.082</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	24.545.455	-
Thu tiền từ cho thuê máy móc	-	29.300.000
Các khoản thu nhập khác	67.590.909	-
Cộng	<u>92.136.364</u>	<u>29.300.000</u>

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.402.156.614	2.054.131.191
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.176.301.926)	(287.578.367)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.225.854.688	1.766.552.824
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.863.386	4.863.386
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.486</u>	<u>363</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	317.243.014.018	93.342.037.435
Chi phí nhân công	98.151.481.254	24.986.235.428
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.475.425.506	1.630.962.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.228.555.839	7.842.462.079
Chi phí khác	8.809.680.410	1.263.364.162
Cộng	<u>453.908.157.027</u>	<u>129.065.061.632</u>

3004
CÔNG
CHÍNH
TOÁN
A
VH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền liên quan đến việc trả cổ tức cho cổ đông với số tiền 1.027.390.325 VND (năm trước là 2.090.039.875 VND).

Công nợ phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 4.242.848.725 VND (số đầu năm là 139.300.750 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.320.300.000	251.640.000
Phụ cấp	110.921.221	10.717.000
Thưởng	35.165.248	37.800.000
Cộng	1.466.386.469	300.157.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Bình Phú

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bình Phú		
Mua nguyên liệu, thành phẩm	253.077.000	196.520.000
Bán thành phẩm	42.362.000	-
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	-	22.727.273
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28		
Chia cổ tức	4.109.561.300	1.027.390.292
Các khoản chi hộ	71.881.747	269.515.700
Chi phí lãi vay	339.431.705	100.369.998
Mua nguyên, nhiên, vật liệu và phí gia công	4.754.554.786	208.700.807
Chi phí thuê đất	968.605.747	242.151.433
Cho thuê máy móc	-	11.300.000
Phải trả về cổ phần hóa	-	13.388.182.728

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.


Công nợ với các bên liên quan khác


Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.8, V.12a và V.13.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Nguyễn Văn Kiên
Người lập


Nguyễn Hữu Phước
Kế toán trưởng


Trần Doãn Thoan
Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 03 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC
Trần Doãn Thoan